

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HSST

Ngày: 26/6/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Miện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Minh Tiếp

Ông Ngô Đức Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại Nhà văn hóa thôn A, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/TLST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST-HS ngày 12/6/2023 đối với:

*** Các bị cáo:**

1. Bùi Văn T; Tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; Sinh năm 1994 tại huyện L, tỉnh Hòa Bình; HKTT/nơi cư trú: Xóm C, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Bùi Văn H, sinh năm 1965 và bà: Đinh Thị K, sinh năm: 1969; Vợ: Vi Thị L, sinh năm: 1996; Bị cáo có 02 con: Con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 20/7/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 37/QĐ-TA, thời hạn 16 tháng, nhưng T bỏ trốn, chưa thi hành; Nhân thân: Ngày 12/7/2012, Công an huyện L, tỉnh Hòa Bình ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 40 đối với Bùi Văn T về hành vi “Đánh nhau”, mức phạt 500.000 đồng. T đã nộp số tiền phạt này vào ngày 16/8/2012.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2023, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. (Có mặt)

2. Bùi Văn T1; Tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; Sinh năm 1992 tại huyện L, tỉnh Hòa Bình; HKTT/nơi cư trú: Xóm T, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Bùi Văn K1, sinh năm 1971 và bà: Bùi Thị B, sinh năm: 1971; Vợ: Bùi Thị T2, sinh năm: 1991; Bị cáo có 02 con: Con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án: Ngày 29/11/2022, bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang xử phạt 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 22 tháng kể từ ngày tuyên án về tội Đánh bạc; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2023, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. (Có mặt)

3. Bùi Văn L1; Tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; Sinh năm 1983 tại huyện L, tỉnh Hòa Bình; HKTT: Xóm B, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Nơi ở: Thôn C, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Bùi Văn C, sinh năm 1961 và bà: Bùi Thị T3, sinh năm: 1961; Vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm: 1983; Bị cáo có 03 con: Con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2023, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. (Có mặt)

*** Người bào chữa cho bị cáo T:** Ông Nguyễn Kim Đ - Luật sư thực hiện hợp đồng trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. (Có mặt)

*** Người bào chữa cho bị cáo L1:** Bà Đỗ Thị H1 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. (Có mặt)

*** Người làm chứng:** Anh Nguyễn Văn V, sinh năm: 1970. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc tại khu nhà trọ của gia đình ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1970 ở thôn B, xã X, huyện V, có một số đối tượng có hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy. Hồi 20 giờ 45 phút ngày 02/01/2023, Công an xã X kiểm tra tại phòng trọ thứ 2 tính từ cổng đi vào, trong phòng có 3 đối tượng gồm: Bùi Văn T1, sinh năm 1992, HKTT: Xóm T, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Bùi Văn T, sinh năm 1994, HKTT: Xóm C, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình và Bùi Văn L1, sinh năm 1983, HKTT: Xóm B, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Qua kiểm tra, đã phát hiện và thu giữ: Trong túi áo khoác bên trái

của T đang mặc 01 túi nilon màu trắng, kích thước (8 x 4)cm, bên trong đựng chất màu trắng dạng cục và bột; 01 gói giấy bạc, kích thước (2,2 x 1)cm, bên trong chứa chất màu trắng dạng cục và bột, tiến hành niêm phong trong phong bì ký hiệu M1. thu tại vị trí T1 đang nằm (tại giường ngủ của T1) 01 túi nilon màu trắng, kích thước (8,1 x 4)cm, đựng chất màu trắng dạng cục và bột; 01 gói giấy màu trắng, kích thước (2,5 x 1,5)cm, bên trong chứa chất màu trắng dạng cục và bột, tiến hành niêm phong trong phong bì ký hiệu M2. T4 tại túi áo khoác bên trái của L1 đang mặc 01 gói giấy (loại giấy vở học sinh), kích thước (2,5 x 1)cm bên trong chứa chất màu trắng dạng cục và bột, tiến hành niêm phong trong phong bì ký hiệu M3. Ngoài ra, còn quản lý của T1: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu POCO màu đen; 01 chiếc ví bên trong có 01 căn cước công dân, 01 thẻ ra vào Ecopark, 01 thẻ ATM MB, 01 thẻ ATM T6, 01 giấy phép lái xe hạng B2, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 đăng ký xe mô tô biển số 34F7-6385, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS, tất cả mang tên Bùi Văn T1 và số tiền 345.000 đồng. Quản lý của L1: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, BKS: 28N1-284.02; 01 chiếc ví, bên trong có 01 căn cước công dân, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 28N1-284.02, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS, 01 thẻ ATM V1, tất cả mang tên Bùi Văn L1 và số tiền 85.000 đồng.

Cùng ngày, Công an xã X đã bàn giao T1, T, L1 cùng toàn bộ hồ sơ tài liệu, vật chứng và tài sản đã thu giữ cho Cơ quan CSĐT Công an huyện V để điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 03/01/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã đưa: Bùi Văn T, Bùi Văn T1 và Bùi Văn L1 đến Trung tâm y tế huyện V để xét nghiệm ma túy trong cơ thể và ra Quyết định trưng cầu giám định về ma túy đối với các chất thu giữ được của T, T1, L1 trong niêm phong ký hiệu M1, M2, M3. Kết quả xét nghiệm xác định T, T1, L1 đều dương tính với chất ma túy (MOP). Tại Bản kết luận giám định số 83/KL-KTHS(MT) ngày 06/01/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh H kết luận: Mẫu chất màu trắng dạng cục và bột trong niêm phong ký hiệu M1 có tổng khối lượng là 0,511 gam, là ma túy, loại Heroin (Heroine); Mẫu chất màu trắng dạng cục và bột trong niêm phong ký hiệu M2 có tổng khối lượng là 0,255 gam, là ma túy, H2 (Heroine); Mẫu chất màu trắng dạng cục và bột trong niêm phong ký hiệu M3 có khối lượng là 0,234 gam, là ma túy, loại Heroin (H).

Quá trình điều tra xác định: Bùi Văn T và Bùi Văn T1 thường xuyên sử dụng chất ma túy loại Heroin, cả 2 đều làm công nhân trong khu đô thị E và thuê chung phòng trọ của gia đình ông Nguyễn Văn V tại thôn B, xã X, huyện V. Khoảng 16

giờ 30 phút ngày 02/01/2023, T đi làm về phòng trọ thì T1 đưa 200.000 đồng nhờ T đi mua hộ ma túy loại Heroin để sử dụng, T đồng ý và cầm tiền đi mua ma túy hộ T1 và trả chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future (không nhớ biển số) cho bạn tên là H3 ở tỉnh Bắc Ninh. T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Future nói trên đi đến địa phận thành phố T, tỉnh Bắc Ninh, mua 400.000 đồng ma túy loại Heroin của một nam thanh niên không rõ tên, tuổi, địa chỉ (trong đó có 200.000đ của T1 nhờ mua hộ và 200.000đ là của T). Người này đưa cho T 01 túi nilon màu trắng, bên trong đựng chất ma túy loại Heroin. Thụ cất gói ma túy vào túi áo khoác, rồi đi đến trước cổng công ty S trong khu công nghiệp Y, tỉnh Bắc Ninh để trả xe cho H3 như đã hẹn từ trước. Sau khi trả xe, T gọi điện cho cậu họ là Bùi Văn L1 đang ở trọ tại thôn C, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh để nhờ L1 chở về phòng trọ của M. L1 đồng ý và điều khiển xe mô tô Honda Blade, BKS: 28N1-284.02 đến chở T về nhà trọ tại thôn B, xã X. Về đến phòng trọ, T lấy gói ma túy ra chia một phần gói vào mảnh giấy và đưa cho T1. Tiền cầm gói ma túy chia thành hai phần, một phần đựng trong túi nilon, một phần để lại trong gói giấy và để trên giường ngủ của T1. Sau khi giao lại ma túy cho T1, T lấy một phần ma túy của mình cho vào mảnh giấy bạc, dùng bật lửa hơi nóng cho ma túy bốc hơi và hít vào cơ thể. Thấy T sử dụng ma túy như trên, L1 xin Thụ một ít ma túy để mang về nhà sử dụng thử. T đồng ý và chia một ít ma túy trong túi nilon, gói ma túy vào một mảnh giấy vở học sinh rồi đưa cho L1, thì L1 cất gói ma túy vào túi áo khoác đang mặc. Sau đó, T tiếp tục chia 1 phần ma túy trong túi nilon cho vào 01 mảnh giấy bạc rồi gói lại, cất tất cả vào túi áo khoác đang mặc. Sau khi T chia ma túy xong thì đi ra ngoài, L1 đã lấy mảnh giấy bạc mà T vừa sử dụng ma túy, hít nốt một ít ma túy còn lại trong giấy bạc vào cơ thể. Đến khoảng 20 giờ 45 phút cùng ngày, khi cả ba đang ở trong phòng trọ thì bị Công an xã X kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang. Trước đó là khoảng 13 giờ cùng ngày, T1 cũng đã sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà vệ sinh của khu nhà trọ.

Đối với người đã bán trái phép chất ma túy cho T, do không xác định được họ tên, địa chỉ nên không có căn cứ để xác minh, xử lý. Còn hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của T, T1, L1 ngày 27/3/2023, Công an huyện V đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Quá trình điều tra xác định: chiếc xe mô tô BKS: 28N1-284.02, số tiền 430.000 đồng, một số tài sản và giấy tờ tùy thân đã thu giữ nêu trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bùi Văn L1, và Bùi Văn T1 đều không liên quan đến hành vi phạm tội.

Các đồ vật, tài liệu, vật chứng đã thu giữ chưa xử lý gồm: 0,953 gam ma túy, loại Heroine hoàn mẫu vật sau giám định cùng 02 túi nilon, 02 mảnh giấy trắng, 01

mảnh giấy bạc và các phong bì niêm phong; 01 chiếc xe mô tô BKS: 28N1-284.02, 02 chiếc điện thoại di động, một số giấy tờ tùy thân, các thẻ ngân hàng và 02 chiếc ví thu của T1 và L1, đang được quản lý tại Kho vật chứng của Công an huyện V; riêng số tiền 430.000 đồng đang được quản lý tại tài khoản của Công an huyện V mở tại Kho bạc nhà nước V.

Quá trình điều tra, T, T1, L1 thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 53/CT-VKSVG ngày 14/4/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang đã truy tố các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn T1, Bùi Văn L1 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn T1, Bùi Văn L1 thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang giữ nguyên quan điểm đã truy tố như nội dung bản Cáo trạng. Đề nghị HĐXX:

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn T1, Bùi Văn L1; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 56 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Văn T1.

Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn T1, Bùi Văn L1 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 03/01/2023.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T1 từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù. Tổng hợp với 11 tháng tù của bản án số 216 ngày 29/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ 06 ngày từ 15/7/2022 đến 21/7/2022, bị cáo còn phải chấp hành từ 02 năm 07 tháng 24 ngày đến 02 năm 10 tháng 24 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2023.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn L1 từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 03/01/2023.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a, b khoản 1 điều 46; điểm c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị HĐXX: Tịch thu cho tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật gửi giám định ghi số 83/KL-KTHS(MT) của Phòng K2 - Công an tỉnh H, bên trong chứa 0,490g ma túy loại Heroin trong niêm phong ký hiệu M1; 0,241g ma túy loại Heroin trong niêm phong ghi ký hiệu M2; 0,222g ma túy loại Heroin trong niêm phong ký hiệu M3; 02 túi

nilon màu trắng có đường viền màu đỏ ở miệng túi; 02 mảnh giấy màu trắng gói ma túy, 01 mảnh giấy bạc màu trắng gói ma túy và 03 vỏ niêm phong mẫu vật gửi giám định. Trả lại bị cáo Bùi Văn T1: 01 (Một) ví màu nâu; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu POCO màu đen, lắp 01 sim in số 8984048000380135914; 01 (Một) Căn cước công dân mang tên Bùi Văn T1; 01 (Một) thẻ nhà thầu do Phòng an ninh khu đô thị E cấp mang tên Bùi Văn T1; 01 (Một) thẻ có chữ MB VISA; 01 (Một) thẻ ngân hàng T6 mang tên BUI VAN T1; 01 (Một) Giấy phép lái xe, hạng B2 mang tên Bùi Văn T1; 01 (Một) Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Bùi Văn T1; 01 (Một) đăng ký xe mô tô, xe máy số A0019344, biển số 34F7-6385, mang tên Đỗ Văn T5; 01 (Một) Giấy chứng nhận Bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô - xe máy - xe máy điện; Số tiền 345.000 đồng.

- Trả lại bị cáo Bùi Văn L1: 01 (Một) ví màu nâu; 01 (Một) Chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn L1; 01 (Một) Giấy phép lái xe, hạng A1 mang tên Bùi Văn L1; 01 (Một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, Biển số đăng ký 28N1-284.02, mang tên Bùi Văn L1; 01 (Một) Giấy chứng nhận Bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô - xe máy - xe máy điện; 01 (Một) thẻ ngân hàng V1, mang tên BUI VAN L1; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen, đã qua sử dụng, lắp 01 sim; 01 (Một) xe mô tô biển số 28N1 - 284.02, kiểu dáng Honda Blade màu đỏ, đen, đã qua sử dụng; Số tiền 85.000 đồng

Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T, L1. Bị cáo T1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo L1 trình bày: Đồng ý quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo; Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự giảm hình phạt cho bị cáo L1. Bị cáo thuộc dân tộc thiểu số, cư trú trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù, miễn hình phạt bổ sung, miễn án phí cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo T trình bày: Đồng ý quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T; Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự giảm hình phạt cho bị cáo T, xử phạt bị cáo 02 năm tù.

- Đại diện Viện kiểm sát không đồng ý mức hình phạt mà người bào chữa cho các bị cáo L1, T đề nghị vì hình phạt đó quá nhẹ so với lượng ma túy các bị cáo tàng trữ và giữ nguyên mức hình phạt đã đề nghị trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

- Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đúng quy định của pháp luật.

- Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo L1, bị cáo T, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt họ. Xét thấy người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án nên HĐXX căn cứ khoản 1 điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng.

[2]. Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp khách quan với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản vụ việc và bản ảnh kèm theo, kết luận giám định, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được Cơ quan điều tra thu thập theo quy định của pháp luật. Do đó HĐXX đã đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 02/01/2023, tại phòng trọ của Bùi Văn T và Bùi Văn T1 thuê của gia đình ông Nguyễn Văn V, bà Đặng Thị H4 ở thôn B, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Công an xã X bắt quả tang T, T1 và L1 đang có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy để sử dụng. Trong đó, T cất giấu trên người 0,511 gam ma túy loại Heroine; Tiền cất giấu trên giường ngủ 0,255 gam ma túy, loại Heroine; L1 cất giấu trên người 0,234 gam ma túy loại Heroine. Toàn bộ số ma túy trên là do Bùi Văn T mua từ khu vực thị xã T, tỉnh Bắc Ninh mang về nên T phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng khối lượng chất ma túy là 1 gam, loại Heroine. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cất giữ ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật theo bản cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác hại lớn về nhiều mặt cho xã hội, làm ảnh hưởng đến các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước.

Hành vi của các bị cáo còn huỷ hoại sức khoẻ, kinh tế, hạnh phúc gia đình của chính bị cáo cũng như làm phát sinh các loại tội phạm khác.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn L1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Bùi Văn T1 đã bị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 11 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” tại bản án số 216 ngày 29/11/2022. Trong thời gian thử thách, bị cáo lại phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn T1 có nhân thân xấu, thường xuyên sử dụng ma túy. Bị cáo Bùi Văn L1 chưa có tiền án, tiền sự.

Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy cần xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, góp phần phòng ngừa chung. Bị cáo Bùi Văn T1 phạm tội mới trong thời gian thử thách nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo là 11 tháng tù và tổng hợp với hình phạt của bản án này, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam. Tại bản án số 216 ngày 29/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang thể hiện bị cáo đã bị tạm giữ 06 ngày từ 15/7/2022 đến 21/7/2022.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4]. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật gửi giám định ghi số 83/KL-KTHS(MT) của Phòng K2 - Công an tỉnh H, bên trong chứa 0,490g ma túy loại Heroin trong niêm phong ký hiệu M1; 0,241g ma túy loại Heroin trong niêm phong ghi ký hiệu M2; 0,222g ma túy loại Heroin trong niêm phong ký hiệu M3; 02 túi nilon màu trắng có đường viền màu đỏ ở miệng túi; 02 mảnh giấy màu trắng gói ma túy, 01 mảnh giấy bạc màu trắng gói ma túy và 03 vỏ niêm phong mẫu vật gửi giám định; Đây là chất Nhà nước cấm lưu hành, là vật chứng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy;

- 01 (Một) ví màu nâu có chữ Bùi Văn T1 0967094366; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu POCO màu đen; Số IMEI 1: 862598051908085; IMEI 2:

862598051908093, đã qua sử dụng, lắp 01 sim in số 8984048000380135914, được niêm phong trong phong bì dán kín theo quy định, ký hiệu ĐT2; 01 (Một) Căn cước công dân số 017092009062, cấp ngày 04/08/2022 mang tên Bùi Văn T1; 01 (Một) thẻ nhà thầu do Phòng an ninh khu đô thị E cấp mang tên Bùi Văn T1; 01 (Một) thẻ có chữ MB VISA; Serial 925Q7RK; 01 (Một) thẻ ngân hàng T6 số 4220757505188707, mang tên BUI VAN T1; 01 (Một) Giấy phép lái xe số 010173006918, hạng B2, cấp ngày 11/07/2022, mang tên Bùi Văn T1; 01 (Một) Giấy phép lái xe số 010173006918, hạng A1, cấp ngày 17/01/2017, mang tên Bùi Văn T1; 01 (Một) đăng ký xe mô tô, xe máy số A0019344, biển số 34F7-6385, mang tên Đỗ Văn T5; 01 (Một) Giấy chứng nhận Bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô - xe máy - xe máy điện cấp ngày 09/01/2022; Số tiền 345.000 đồng là tài sản, giấy tờ của bị cáo Bùi Văn T1 không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại bị cáo T1.

- 01 (Một) ví màu nâu có chữ “VERSACE oassuge toap quality”; 01 (Một) Chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn L1; 01 (Một) Giấy phép lái xe số 170199005682, hạng A1, cấp ngày 25/09/2019, mang tên Bùi Văn L1; 01 (Một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 016386, Biển số đăng ký 28N1-284.02, cấp ngày 27/02/2018, mang tên Bùi Văn L1; 01 (Một) Giấy chứng nhận Bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô - xe máy - xe máy điện số EPTI.TGDD.M1.22000540312; 01 (Một) thẻ ngân hàng V1 số 9704150130220208, mang tên BUI VAN L1; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen; Số IMEI 1: 866966061929043; IMEI 2: 866966061929050, đã qua sử dụng, lắp 01 sim in số 89840200010543148563, được niêm phong trong phong bì dán kín theo quy định, ký hiệu ĐT1; 01 (Một) xe mô tô biển số 28N1 - 284.02, kiểu dáng Honda Blade màu đỏ, đen, số khung: 364XGY107047, số máy: JA36E0586608, đã qua sử dụng; Số tiền 85.000 đồng là tài sản, giấy tờ của bị cáo Bùi Văn L1 không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại bị cáo L1.

[5]. Các vấn đề khác: Quá trình điều tra, không xác định được người bán ma túy cho T nên không có căn cứ xử lý.

[6]. Về án phí: Bị cáo Bùi Văn T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo Bùi Văn T thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo; Bị cáo Bùi Văn L1 thuộc dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn nên căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12, điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T và bị cáo L1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào:

- Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Văn T.

- Điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 56; Khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Văn T1.

- Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Văn L1.

- Điểm a khoản 1 điều 46; điểm c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 135; Điều 136; Khoản 1 điều 293; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn T1, Bùi Văn L1 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

3. Mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 03/01/2023.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T1 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Buộc bị cáo tiền phải chấp hành 11 tháng tù của bản án số 216 ngày 29/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ 06 ngày từ 15/7/2022 đến 21/7/2022, bị cáo còn phải chấp hành 10 tháng 24 ngày tù của bản án trên. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo T1 phải chấp hành 02 (hai) năm 07 (bảy) tháng 24 (hai mươi tư) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2023.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn L1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 03/01/2023.

4. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật gửi giám định ghi số 83/KL-KTHS(MT) của Phòng K2 - Công an tỉnh H, bên trong chứa 0,490g ma túy loại Heroin trong niêm phong ký hiệu M1; 0,241g ma túy loại Heroin trong niêm phong ghi ký hiệu M2; 0,222g ma túy loại Heroin trong niêm phong ký hiệu M3; 02 túi nilon màu trắng có đường viền màu đỏ ở miệng túi; 02 mảnh giấy màu trắng gói ma túy, 01 mảnh giấy bạc màu trắng gói ma túy và 03 vỏ niêm phong mẫu vật gửi giám định

- Trả lại bị cáo Bùi Văn T1: 01 (Một) ví màu nâu có chữ Bùi Văn T1 0967094366; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu POCO màu đen; Số IMEI 1: 862598051908085; IMEI 2: 862598051908093, đã qua sử dụng, lắp 01 sim in số 8984048000380135914, được niêm phong trong phong bì dán kín theo quy định,

ký hiệu ĐT2; 01 (Một) Căn cước công dân số 017092009062, cấp ngày 04/08/2022 mang tên Bùi Văn T1; 01 (Một) thẻ nhà thầu do Phòng an ninh khu đô thị E cấp mang tên Bùi Văn T1; 01 (Một) thẻ có chữ MB VISA; Serial 925Q7RK; 01 (Một) thẻ ngân hàng T6 số 4220757505188707, mang tên BUI VAN T1; 01 (Một) Giấy phép lái xe số 010173006918, hạng B2, cấp ngày 11/07/2022, mang tên Bùi Văn T1; 01 (Một) Giấy phép lái xe số 010173006918, hạng A1, cấp ngày 17/01/2017, mang tên Bùi Văn T1; 01 (Một) đăng ký xe mô tô, xe máy số A0019344, biển số 34F7-6385, mang tên Đỗ Văn T5; 01 (Một) Giấy chứng nhận Bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô - xe máy - xe máy điện cấp ngày 09/01/2022; Số tiền 345.000 đồng.

- Trả lại bị cáo Bùi Văn L1: 01 (Một) ví màu nâu có chữ “VERSACE oassuge toap quality”; 01 (Một) Chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn L1; 01 (Một) Giấy phép lái xe số 170199005682, hạng A1, cấp ngày 25/09/2019, mang tên Bùi Văn L1; 01 (Một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 016386, Biển số đăng ký 28N1-284.02, cấp ngày 27/02/2018, mang tên Bùi Văn L1; 01 (Một) Giấy chứng nhận Bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô - xe máy - xe máy điện số EPTI. TGDD.M1.22000540312; 01 (Một) thẻ ngân hàng V1 số 9704150130220208, mang tên BUI VAN L1; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen; Số IMEI 1: 866966061929043; IMEI 2: 866966061929050, đã qua sử dụng, lắp 01 sim in số 89840200010543148563, được niêm phong trong phong bì dán kín theo quy định, ký hiệu ĐT1; 01 (Một) xe mô tô biển số 28N1 - 284.02, kiểu dáng Honda Blade màu đỏ, đen, số khung: 364XGY107047, số máy: JA36E0586608, đã qua sử dụng; Số tiền 85.000 đồng

(Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 04/5/2023 giữa Công an huyện V và Chi cục thi hành án dân sự huyện V, ủy nhiệm chi ngày 27/4/2023 và 23/6/2023 tại kho bạc nhà nước huyện V)

5. Về án phí: Bị cáo Bùi Văn T1 phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn L1.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên;
- CA huyện Văn Giang;
- VKS huyện Văn Giang;
- Chi cục THADS huyện Văn Giang;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Miện